

## NGHỊ QUYẾT

Về việc **thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội**

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học cho Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CUA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	3			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>3,88</b>	<b>44</b>	<b>88</b>

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

## I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ thuật cơ sở hạ tầng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thể hiện cơ bản các mức năng lực yêu cầu. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được mô tả trong Bản mô tả CTĐT và phổ biến tới các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin, được cải tiến và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra. Phần lớn đề cương chi tiết các học phần được mô tả đầy đủ thông tin và được chuẩn hóa theo quy định; được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo hướng ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin, có ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng Khoa học Khoa và một số bên liên quan.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, 100% các môn học/học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Cấu trúc của chương trình dạy học được thiết kế với trình tự khá logic, có sự liên mạch giữa các khối kiến thức, được phân bổ hợp lý. chương trình dạy học được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật, có tham khảo một số CTĐT trong nước, lấy ý kiến một số bên liên quan đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng, tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan trong và ngoài Trường. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng và đáp ứng tốt các tiêu chí của chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện phần lớn các kỹ năng cần thiết. giảng viên sử dụng khá thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy học, chú trọng rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành. Môi trường dạy và học thân thiện, phương pháp dạy học đa dạng, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở, đa số người học hài lòng với phương pháp dạy học của giảng viên.

5. Các quy định/kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học được xác định rõ ràng, phù hợp hướng tới chuẩn đầu ra, được công bố công khai. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng và công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá học tập được công bố kịp thời qua phần mềm quản lý đào tạo, công khai,

đúng quy định để người học có thể cải thiện việc học tập. Việc ra đề thi, chấm thi, công bố kết quả kiểm tra đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp được quy định rõ ràng. Việc giải quyết khiếu nại kết quả học tập được thực hiện nhanh và thỏa đáng.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch phát triển dựa trên Chiến lược phát triển Trường theo từng giai đoạn và Đề án vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy định rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực giảng viên được xác định và phổ biến công khai. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá. Kết quả công việc của giảng viên được quản trị theo quy định và các văn bản và hướng dẫn của Trường. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác định, được theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

7. Chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ, các thông báo tuyển dụng của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên đang làm việc tại các đơn vị chức năng của nhà trường có trình độ phù hợp với yêu cầu công việc. Các tiêu chí tuyển chọn về năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường xác định cụ thể, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Quy định về đánh giá, phân loại chất lượng viên chức và người lao động được rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn. Hằng năm, việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự và các tiêu chí đề ra trong quy định. Việc đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Quá trình xây dựng, rà soát cập nhật các quy chế, quy định về đánh giá, phân loại; thi đua khen thưởng; đào tạo bồi dưỡng đều có sự tham gia, góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc được triển khai hàng tháng, làm cơ sở để đánh giá phân loại kết quả viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm. Đội ngũ nhân viên được đánh giá có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

8. Chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên Website của trường, ngày hội tư vấn tuyển sinh và một số nền tảng mạng xã hội. Phương thức tuyển sinh được cập nhật hằng năm để phù hợp với chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như nhu cầu thực tiễn. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; được rà soát, đánh giá. Hệ thống giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập, có đầy đủ quy chế, quy định và quy trình giám sát, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên; cơ sở dữ liệu đánh giá được lưu trữ, phân tích thông qua phần mềm quản lý ESSoft. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ khác đã được triển khai. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc thân thiện, thoải mái. Khuôn viên sạch sẽ, trang thiết bị trong giảng đường, phòng học, hội trường, phòng họp tương đối hiện đại, tiện nghi tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; có thư viện với đủ các tiện ích để người học tự nghiên cứu, tự học và làm việc nhóm. Nguồn học liệu đa dạng với bản cứng và bản mềm được cập nhật hằng năm đủ phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường đầu tư trang thiết bị hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng cho học trực tuyến và các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường và an toàn, an ninh được xác định xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập có các quy định và công cụ thực hiện. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến việc dạy và học; có nhiều bài báo được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong chương trình dạy học. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

11. Trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ sinh viên thôi học giảm từ 34,84% xuống 12.5%, thời gian tốt nghiệp trung bình khá gần với thời gian thiết kế. Tỷ lệ phản hồi khảo sát việc làm (90% - 100%) và tỷ lệ có việc làm/số sinh viên phản hồi khảo sát (87.4% - 98,5%) đều ở mức khá cao. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt 15% và tăng đều qua các năm.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát các mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, bám sát yêu cầu Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; phân tích, đánh giá một cách khoa học về nhu cầu thị trường lao động, xác định chuẩn đầu ra rõ ràng hơn, thể hiện rõ mức năng lực để đo lường, đánh giá được; đối sánh mục tiêu CTĐT với các CTĐT quốc tế để phát triển phù hợp với xu hướng phát triển và Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường; rà soát, đối sánh, điều chỉnh chuẩn đầu ra để đáp ứng nhu cầu đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực hội nhập thị trường lao động khu vực.

2. Ban hành văn bản quy định các mẫu biểu, quy trình, hướng dẫn phục vụ xây dựng Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần đảm bảo đầy đủ thông tin; bổ sung sơ đồ cây, biểu thị học phần theo học kỳ, theo khối kiến thức; rà soát, điều

chỉnh ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra và các học phần của CTĐT, thể hiện rõ mức độ tham gia vào chuẩn đầu ra; rà soát ma trận các hình thức/phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp các chuẩn đầu ra của học phần; cập nhật nội dung và phương pháp dạy - học của học phần thích ứng với yêu cầu của nghề nghiệp, của cách mạng công nghiệp 4.0; bổ sung giáo trình làm tài liệu chính cho các học phần; tăng thời lượng cho thực hành ứng dụng, đưa công nghệ thực tế ảo kết hợp với BIM trong giảng dạy một số học phần để người học có trải nghiệm thực tế tốt hơn; lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn và phân tích sâu hơn; công bố công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần bằng nhiều hình thức hơn, có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận các bên liên quan; đối sánh CTĐT với các CTĐT quốc tế để phát triển CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

3. Sử dụng các ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra và các học phần của chương trình dạy học, ma trận chuẩn đầu ra học phần và phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá để rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học và đánh giá mức độ đóng góp các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; phân tích đánh giá tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra trong các học phần phù hợp, đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra; thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên nhằm phục vụ cho công tác xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra các học phần; tập huấn thiết kế chương trình dạy học cho giảng viên; điều chỉnh tăng thời lượng các học phần thực hành, tích hợp nội dung công nghệ vào một số học phần; hướng dẫn và có biện pháp giám sát, đánh giá giờ tự học, tự nghiên cứu trong đề cương chi tiết học phần; thực hiện đối sánh CTĐT với chương trình đào tạo quốc tế.

4. Khảo sát, đánh giá hiệu quả phổ biến Triết lý giáo dục trong việc áp dụng vào việc dạy và học; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên trong quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học cho người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học; sử dụng hiệu quả Hệ thống LMS cho đào tạo trực tuyến; cập nhật các phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống phần cứng, phần mềm cho thực hành và trải nghiệm thực tế ảo...); thiết kế thang đo mức độ đánh giá khả năng tự học tập suốt đời của người học; tăng cường các hoạt động thuyết trình, phản biện của người học, đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu khoa học của NH; hoàn thiện các hướng dẫn người học tự học trong các đề cương chi tiết học phần; tăng cường đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của người học.

5. Phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần, phân tích phổ điểm để có hướng điều chỉnh thích hợp; công khai, phổ biến quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá cho sinh viên thông qua trang sinh viên, và các hình thức phổ biến khác đảm bảo sinh viên dễ tiếp cận; bổ sung rubrics để đánh giá vào đề cương chi tiết cho tất cả học phần; đo lường, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo độ tin cậy; rà soát sự phù hợp của từng hình thức kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của từng học phần (trong đề cương chi tiết học phần); đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng, rà soát, tăng cường các quy trình, quy chế về kiểm tra đánh giá để đạt chuẩn đầu ra

học phần, chuẩn đầu ra chương trình; có quy định, lộ trình để tăng số đề thi trong ngân hàng đề thi; xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học; thực hiện phân tích phổ điểm kết quả thi kết thúc học phần, đối chiếu với điểm quá trình để đánh giá quá trình dạy và học với kết quả học phần, so sánh giữa các năm để cải tiến.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng sự phát triển của Khoa/ngành trong từng giai đoạn cụ thể; có chính sách thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tạo điều kiện cho các giảng viên đạt chuẩn PGS, đảm bảo tương xứng với vị thế của ngành; bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá giảng viên; tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu về phát triển CTĐT; có biện pháp hỗ trợ để phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên.

7. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên tương ứng với sự phát triển về quy mô đào tạo; xác định hệ số hợp lý đối với vị trí thư ký khoa, trợ lý đào tạo và trợ lý sinh viên, theo quy mô người học; xây dựng bộ tiêu chí có tính định lượng, để đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; rà soát nội dung các phiếu khảo sát để thu thập được các thông tin phản hồi về mức độ đáp ứng, mức độ hài lòng về đội ngũ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm; phân tích, đánh giá kết quả khảo sát làm cơ sở để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ; xây dựng kế hoạch chi tiết về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu đặc thù của từng vị trí việc làm cho đội ngũ nhân viên và triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức các khóa tập huấn về chuyên môn sâu cho đội ngũ nhân viên, đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; quy định biểu mẫu kế hoạch công tác cá nhân và ban hành quy định/hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, đăng ký đào tạo, bồi dưỡng; có các KPIs rõ ràng để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được khách quan; thông báo kết quả xếp loại và bình xét thi đua hàng năm đảm bảo nhận được sự phản hồi từ đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường để tạo sự khách quan, công bằng trong công tác thi đua khen thưởng.

8. Tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở đề xuất điều chỉnh chính sách và quy định tuyển sinh; đánh giá phương pháp tuyển sinh phân tích hiệu quả, ưu, nhược điểm của từng phương pháp tuyển sinh; phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan và đề xuất điều chỉnh; rà soát, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, tăng tốc độ xử lý dữ liệu, tăng khả năng dự báo, cảnh báo học vụ đối với sinh viên; đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm; khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, phân tích dữ liệu thống kê theo Khoa, Ngành đào tạo.

9. Rà soát các phòng học, kiểm tra hệ thống trang thiết bị như điều hòa, máy chiếu để bổ sung mới để tạo môi trường học tập hiệu quả; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý thư viện số; rà soát giáo trình và tài liệu



dạy học theo CTĐT để lên kế hoạch biên soạn, thẩm định và ban hành theo quy định của Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành, máy tính, phần mềm hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu đáp ứng với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Rà soát phiếu khảo sát sự hài lòng các bên liên quan về mức độ đáp ứng của phòng thực hành; đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống wifi trong toàn trường để có giải pháp nâng cấp tốc độ đường truyền; phân tích sâu kết quả khảo sát của các bên liên quan để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin; ban hành văn bản của Trường về quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; khảo sát đa dạng các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Rà soát quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, chương trình dạy học; chú trọng thu thập yêu cầu năng lực các vị trí việc làm của bên sử dụng lao động và cựu sinh viên làm cơ sở rà soát, điều chỉnh CTĐT, chương trình dạy học; cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, chương trình dạy học của Trường phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ sung hoạt động rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học và thể hiện đồng bộ trong kế hoạch rà soát CTĐT, chương trình dạy học; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học cho từng CTĐT, nâng cao hiệu quả, chất lượng cải tiến CTĐT; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; bổ sung các tiêu chí phù hợp cho hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, chia sẻ kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá, đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả tiếp tục giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng và trước hạn; chú trọng khảo sát vị trí việc làm của những sinh viên tốt nghiệp có việc làm chỉ liên quan đến ngành đào tạo; nâng cao năng lực lập nghiệp cho sinh viên khi thiết kế CTĐT của ngành; tiếp tục tăng tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với việc giảng dạy các môn học; tổ chức cho sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu trên ISSN và ISBN và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học sáng tạo ngoài trường. Phân tích đầy đủ kết quả đối sánh với các CTĐT tương đương trong và ngoài nước; nâng cấp Bộ câu hỏi khảo sát bám sát yêu cầu đổi mới CTĐT, phân tích tương quan giữa kết quả khảo sát các bên liên quan khác nhau để tăng tính khách quan và thiết thực hỗ trợ việc phát triển CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.